

QUYẾT ĐỊNH

Về số lượng, chủng loại và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 /12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Kết luận số 355-KL/TU ngày 30/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) tại Hội nghị lần thứ 67;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 249/TTr-STC ngày 12/6/2024 và Văn bản số 2105/STC-QLGCS ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND tỉnh quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xe ô tô đối với từng trường hợp cụ thể, đảm bảo không vượt quá số lượng xe ô tô tối đa tại quyết định này.

Điều 2. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định (bao gồm các xe ô tô phục vụ công tác chung theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 28/3/2024

của UBND tỉnh và các xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy) như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau đây quản lý xe ô tô theo phương thức quản lý trực tiếp:

a) Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.

b) Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại khoản 1 Điều 2 mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh thực hiện quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định việc quản lý xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, tổ chức, đơn vị của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QTTV, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: xe

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Trong đó, chủng loại xe	
			Xe ô tô từ 4 đến dưới 12 chỗ (bao gồm xe bán tải)	Xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3 = 4 + 5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I	Khối các Văn phòng cấp tỉnh	18	15	3
1	Văn phòng Tỉnh ủy	5	4	1
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	7	6	1
3	Văn phòng UBND tỉnh	6	5	1
II	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, MTTQVN tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	79	77	2
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	2	2	0
2	Sở Công thương	3	3	0
3	Sở Du lịch	2	1	1
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	3	0
5	Sở Giao thông vận tải	3	3	0
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	3	0
7	Sở Khoa học và công nghệ	3	3	0
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4	3	1
9	Sở Nội vụ	3	3	0
10	Sở Ngoại vụ	2	2	0
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	7	7	0
12	Sở Tài chính	3	3	0
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	6	0
14	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	0
15	Sở Tư pháp	3	3	0
16	Sở Văn hóa và Thể thao	5	5	0
17	Sở Xây dựng	3	3	0
18	Sở Y tế	6	6	0
19	Thanh Tra tỉnh	2	2	0
20	Ban Dân tộc tỉnh	2	2	0
21	Ban Quản lý Khu kinh tế	3	3	0
22	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	2	2	0
23	Hội Nông dân tỉnh	2	2	0
24	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2	2	0
25	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	2	2	0

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Trong đó, chủng loại xe	
			Xe ô tô từ 4 đến dưới 12 chỗ (bao gồm xe bán tải)	Xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3 = 4 + 5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
III	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh	13	10	3
1	Ban QLDA công trình giao thông tỉnh	2	2	0
2	Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định	2	2	0
3	Ban QLDA dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định	2	2	0
4	Ban Giải phóng mặt bằng	1	1	0
5	Đài Phát thanh và Truyền hình	3	2	1
6	Trường Cao đẳng Y tế	1	0	1
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	2	1	1
IV	Các huyện, thị xã, thành phố	80	77	3
1	Thành phố Quy Nhơn	6	5	1
2	Thị xã An Nhơn	6	6	0
3	Huyện Tuy Phước	6	5	1
4	Huyện Tây Sơn	8	8	0
5	Huyện Phù Cát	8	8	0
6	Huyện Phù Mỹ	8	7	1
7	Huyện Hoài Ân	8	8	0
8	Thị xã Hoài Nhơn	6	6	0
9	Huyện Vân Canh	8	8	0
10	Huyện Vĩnh Thạnh	8	8	0
11	Huyện An Lão	8	8	0
	Tổng (I+II+III+IV)	190	179	11